

**CÔNG TY TNHH ACON VŨNG TÀU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ACON VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACON VUNG TAU COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ACON VUNG TAU CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502478187

**3. Ngày thành lập:** 06/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 8, Ấp Gia Hoà Yên, Xã Bình Giã, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
Việt Nam

Điện thoại: 0969463713

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                      | 4620                                                         |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm, bán buôn nông sản                                                                                                                                                                       | 4632(Chính)                                                  |
| 3.  | Trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                   | 0111                                                         |
| 4.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                     | 0112                                                         |
| 5.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                                                                | 0113                                                         |
| 6.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                                                               | 0114                                                         |
| 7.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                                                               | 0115                                                         |
| 8.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                           | 0116                                                         |
| 9.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                   | 0117                                                         |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                        | 0118                                                         |
| 11. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                     | 0119                                                         |
| 12. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                            | 0121                                                         |
| 13. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                  | 0122                                                         |
| 14. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                                              | 0123                                                         |
| 15. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                                                                           | 0124                                                         |
| 16. | Trồng cây cao su                                                                                                                                                                                                                            | 0125                                                         |
| 17. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                                                            | 0126                                                         |
| 18. | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                                               | 0127                                                         |
| 19. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                     | 0128                                                         |
| 20. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                      | 0129                                                         |
| 21. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                         | 0131                                                         |
| 22. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                          | 0132                                                         |
| 23. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                | 0161                                                         |
| 24. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                             | 0163                                                         |
| 25. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                               | 0164                                                         |
| 26. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                            | 8292                                                         |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4722                                                         |
| 28. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                | 1030                                                         |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                            | 4781                                                         |
| 30. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẬU QUỐC ANH Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 07/08/1985 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077085002605  
Ngày cấp: 18/12/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH  
Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Ấp Gia Hoà Yên, Xã Bình Giã, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Ấp Gia Hoà Yên, Xã Bình Giã, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu